TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/HS-ST
Ngày: 27/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội Thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Ngân.

Ông Lê Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hoa – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 109/2026/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 5 năm 2026; Thông báo về việc dời phiên tòa xét xử vụ án hình sự số 08/2026/TB –TA ngày 14/5/2026 đối với bị cáo:

Lê Đức T, sinh năm 2002 tại Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, số CCCD: 082202004267; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tuấn Đ, sinh năm: 1978 và bà Lê Thị H, sinh năm: 1982; bị cáo sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm: 1998 (không đăng ký kết hôn), có 01 con chung sinh năm: 2022.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị bắt, ngày: 29/11/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Hồ Tràm thuộc Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H.

"Bị cáo có mặt".

- *Bị hại:* Nguyễn Huy H2, sinh năm 1995 "Có mặt".

Nơi cư trú: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Dương Việt Đ1, sinh năm 2000 "Vắng mặt".

Nơi cư trú: A, Ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Vũ Thị N, sinh năm 1996 "Vắng mặt".

Nơi cư trú: ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người chứng kiến*: Lượng Thành C, sinh năm 1992 "Vắng mặt".

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 08/5/2023, ông Nguyễn Huy H2, sinh năm: 1995, địa chỉ: xã B, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với Lê Đức T chơi bida tại quán H3 địa chỉ ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, T hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 72G1-855.34 của ông H2 để về quán Ốc 30K, thuộc ấp L, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh có việc, ông H2 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đến quán Ố gặp Lượng T, sinh năm: 1992, địa chỉ: Ấp T, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh mục đích mượn tiền nhưng không được. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của H2 để cầm cố lấy tiền tiêu xài nên T tắt điện thoại để Nguyễn Huy H2 không liên lạc được rồi điều khiển xe mô tô đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến khoảng 10 giờ, ngày 09/05/2023, T gọi điện cho Dương Việt Đ1, sinh năm: 2000 là chủ tiệm cầm đồ Đ, địa chỉ 425, Quốc lộ A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) hỏi cầm xe mô tô biển số 72G1 - 855.34. Đ1 hỏi xe của ai tại sao không có giấy tờ, T nói dối Đ1: "Xe của bạn cho mượn cầm 02 - 03 ngày rồi chuộc về", tuy không có giấy tờ xe nhưng vì quen biết và T nói sẽ chuộc xe nên Đ1 đồng ý, cả hai thỏa thuận cầm xe mô tô trên với số tiền là 26.000.000 đồng. Đ1 chuyển khoản vào tài khoản số 22611387 tại Ngân hàng A cho T. Sau khi nhận được tiền, T tiêu xài cá nhân hết.

Nguyễn Huy H2 sau khi biết T lấy xe mô tô của mình đã nhiều lần liên lạc với T qua mạng xã hội Zalo, sau đó vài ngày T thừa nhận không có tiền nên T đã cầm cố tại tiệm cầm đồ Đ. Sau đó, H2 liên hệ với Dương Việt Đ1 được biết T đã cầm chiếc xe mô tô Vespa Sprint, màu đen, mang biển số 72G1-855.34 giá 26.000.000 đồng. Ngày 10/5/2023, Nguyễn Huy H2 trình báo sự việc đến Cơ quan Công an. Sau đó, ông H2 đến gặp ông Đ1 và chuyển khoản cho Đ1 số tiền là 28.000.000₫ (trong đó: 26.000.000 đồng là tiền T cầm xe, còn 2.000.000₫ là tiền H2 chuyển dư cho Đ1). Sau khi nhận tiền, ông Đ1 lấy xe trả lại cho ông H2 thì bị Cơ quan Công an mời về làm việc. Sau khi làm việc, ông Đ1 đã trả lại cho ông H2 28.000.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, Lê Đức T bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 14/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy tìm đối với Lê Đức T. Đến ngày 28/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện và yêu cầu về trụ sở làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG ngày 25/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện X kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ án trên địa bàn, giá trị thiệt hại của xe mô tô mang biển số 72G1 - 855.34 có giá trị là 72.085.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ và xử lý:

Tạm giữ 01 xe mô tô mang biển số 72G1-855.34, hiệu PIAGGIO, loại VESPA SPRINT, số máy: M82EM5126432, số khung: RP8M82514NV054889, màu trắng, đã qua sử dụng. Quá trình xác minh xe mô tô trên là của bà Vũ Thị N, sinh năm 1996, địa chỉ: Ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (vợ của ông Nguyễn Huy H2). Bà N hiện tại đang đi làm tại Malaysia và ông H2 đang sử dụng xe máy trên. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông H2.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Huy H2 sau khi nhận được xe mô tô biển số 72G1- 855.34 và 28.000.000 đồng do ông Dương Việt Đ1 trả lại hiện không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Bản cáo trạng số 132/CT - VKS - KV14 ngày 23 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Đức T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025).

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38, điểm s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025), đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 (Ba) năm đến 04 (B) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Huy H2, đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) bị cáo đã nhận tiền cầm cố xe từ ông Dương Việt Đ1, hiện chưa rõ yêu cầu bồi thường của ông Đ1 do cơ quan điều tra chưa làm việc được với ông Đ1 nên đề nghị tách ra, khi nào ông Đ1 yêu cầu sẽ giải quyết sau.

Bị cáo Lê Đức T nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Khoảng 13 giờ, ngày 08/5/2023 tại quán H3, thuộc ấp B, xã B, thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo mượn xe mô tô biển kiểm soát 72G – 855.34 của ông Nguyễn Huy H2 để về quán Ố thuộc ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã B, thành phố Hồ Chí Minh) để có việc, nhưng sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mang xe mô tô trên đến tiệm C1, địa chỉ 425, quốc lộ A, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, thành phố Hồ Chí Minh) để cầm cố với số tiền 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) để tiêu xài cá nhân và bỏ trốn.

Như vậy, hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025). Từ đó, cho thấy bản cáo trạng số 132/CT – VKS – KV14 ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Đức T về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại để mượn tài sản sau đó chiếm đoạt, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra và kéo dài vụ án. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị có không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025) nên cần xem xét giảm

nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Đã xử lý xong.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Huy H2 sau khi nhận được xe mô tô biển số 72G1 – 855.34 và 28.000.000đ do ông Dương Việt Đ1 trả lại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) bị cáo nhận tiền cầm cố xe từ ông Dương Việt Đ1, theo biên bản xác minh ngày 17/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra thể hiện *"Dương Việt Đ1 sinh năm: 2000 – HKTT: TDP T, P. D, tỉnh Ninh Bình – Không thực tế cư trú tại A, ấp E, xã B, TP ."*, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được với ông Đ1, nên chưa rõ yêu cầu của ông Đ1, nên Hội đồng xét xử tách ra, dành quyền yêu cầu giải quyết cho ông Đ1 bằng vụ việc khác, khi có yêu cầu.

[8] Đối với việc ông Dương Việt Đ1, đồng ý nhận xe cầm cố từ bị cáo, ông Đ1 không biết xe này do bị cáo phạm tội mà có, sau khi biết sự việc ông Đ1 đã chủ động trả lại cho bị hại là ông H2 số tiền 28.000.000đ đã nhận từ ông H2, nên ông Đ1 không phạm tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức T, phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo: Lê Đức T, 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29/11/2025.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Lê Đức T phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
+ Phòng PC10.
+ Phòng PV06.
- VKSND KV14 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo